

Số: /TB-ĐHNN

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2017

## THÔNG BÁO

### Lịch thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đối với học sinh Trường THPT Chuyên ngoại ngữ năm học 2017-2018

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội thông báo lịch thi đánh giá năng lực ngoại ngữ năm học 2017-2018 đối với học sinh Trường THPT Chuyên ngoại ngữ như sau:

#### 1. Lịch thi và thời hạn đăng ký dự thi

TT	Lịch thi	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Định dạng đề thi	Thời hạn nộp Hồ sơ và lệ phí thi	Đối tượng
1	17/03/2018 (Thứ 7)	Tiếng Anh	VSTEP.3-5	19/02/2018-02/03/2018	Học sinh khối 12
2	21/07/2018 (Thứ 7)	Tiếng Anh	VSTEP.3-5	25/06/2018-06/07/2018	Học sinh khối 10

\* Bài thi Nói được bố trí theo các ca thi khác nhau vào chiều Thứ 7 hoặc Chủ nhật liền kề.

#### 2. Đối tượng dự thi

Học sinh Trường THPT Chuyên ngoại ngữ.

#### 3. Lệ phí dự thi: 600.000 VNĐ

#### 4. Đăng ký dự thi và nộp hồ sơ

**Bước 1:** Thí sinh khai Phiếu đăng ký dự thi theo Mẫu (Phụ lục 1)

**Bước 2:** Nộp hồ sơ và lệ phí thi trong giờ hành chính vào các ngày làm việc trong tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, Tết) tại Văn phòng Trường THPT Chuyên ngoại ngữ. Hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký dự thi có dán ảnh 3x4cm (chụp trong vòng 06 tháng).
- 01 bản photo Chứng minh nhân dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân khác như Căn cước công dân/Hộ chiếu.

#### 5. Định dạng bài thi: xem Phụ lục 2

#### 6. Danh sách phòng thi

Thí sinh xem danh sách phòng thi và số báo danh tại Website <http://vstep.vn> trước 03 ngày khi kỳ thi diễn ra.

#### 7. Kết quả thi

- Thông báo tại Website <http://vstep.vn> sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi.
- Trường ĐHNN gửi kết quả thi cho Trường THPT Chuyên ngoại ngữ để thông báo cho thí sinh.

#### 8. Chứng chỉ

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau ngày công bố kết quả thi trên Website, thí sinh cần đăng ký và nộp phí 100.000VNĐ tại Phòng 106- Nhà A4 Trường ĐHNN. Nhà trường chỉ cấp Chứng chỉ một lần duy nhất.

- Thí sinh nhận Chứng chỉ sau 20 ngày làm việc kể từ ngày thi.

### **9. Lịch phát Chứng chỉ**

Thứ 3 và Thứ 5 hàng tuần tại Trung tâm Khảo thí - Phòng 106- Nhà A4 - Trường ĐHNN-ĐHQGHN.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các đơn vị trong Trường (để biết);
- Trường THPT CNN (để phối hợp thực hiện);
- Lưu: HCTH, KHTC, KT, Thoa35.

**HIỆU TRƯỞNG**

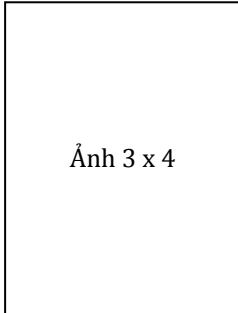
*Đã ký*

**Đỗ Tuấn Minh**

**Phụ lục 1: Mẫu Phiếu đăng ký dự thi**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**PHIẾU ĐĂNG KÍ DỰ THI  
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
(dành cho học sinh Trường THPT Chuyên ngoại ngữ)**

Họ và tên: .....

Ngày sinh: ..... Giới tính (Nam / Nữ): .....

Số CMND: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Khối: ..... Lớp: ..... Ngoại ngữ chuyên: .....

Email: ..... Điện thoại: .....

Đăng kí thi ngày: .....

Ngoại ngữ : Tiếng Anh

Trình độ (B1, B2, C1): .....

*Tôi xác nhận đã đọc thông tin về kỳ thi và cam đoan thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Hội đồng thi.*

**XÁC NHẬN ĐÃ NỘP HỒ SƠ VÀ LỆ PHÍ DỰ THI**

**NGƯỜI NỘP ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**XÁC NHẬN ĐÃ NỘP HỒ SƠ VÀ LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ DỰ THI**

Họ và tên: ..... Nam / Nữ: .....

Ngày sinh: ..... Số CMND: .....

Lệ phí thi: ..... Số hồ sơ: .....

*Tôi xác nhận đã đọc thông tin về kỳ thi và cam đoan thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Hội đồng thi.*

\* Thí sinh xem thông báo về kỳ thi tại Website <http://vstep.vn>

**Phụ lục 2: Định dạng đề thi VSTEP.3-5**

<b>Bài thi</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>	<b>Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>	<b>Mục đích</b>
Nghe hiểu	Khoảng 40 phút, bao gồm thời gian chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời.	3 phần, 35 câu hỏi đa lựa chọn (MCQ)	Thí sinh nghe các đoạn trao đổi ngắn, hướng dẫn, thông báo, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, bài giảng, sau đó trả lời câu hỏi đa lựa chọn (MCQ) đã in sẵn trong đề thi.	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu ý kiến, mục đích của người nói và suy ra từ thông tin trong bài.
Đọc hiểu	60 phút, bao gồm thời gian chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời.	4 bài đọc, 40 câu hỏi đa lựa chọn	Thí sinh đọc 4 văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 3-5 với tổng số từ dao động từ 1900-2050 từ. Thí sinh trả lời các câu hỏi đa lựa chọn sau mỗi bài đọc.	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, đọc hiểu ý kiến, thái độ của tác giả, suy ra từ thông tin trong bài và đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.
Viết	60 phút	2 bài viết	Bài 1: Viết một bức thư/ thư điện tử có độ dài khoảng 120 từ Bài 1 chiếm 1/3 tổng số điểm của bài thi Viết. Bài 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 250 từ về một chủ đề cho sẵn, sử dụng kiến thức và trải nghiệm của mình để minh họa cho các lập luận. Bài 2 chiếm 2/3 tổng số điểm của bài thi Viết.	Kiểm tra kỹ năng Viết tương tác và Viết sản sinh.
Nói	12 phút	3 phần: Tương tác xã hội Thảo luận giải pháp Phát triển chủ đề	Phần 1: Tương tác xã hội Thí sinh trả lời 3-6 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. Phần 2: Thảo luận giải pháp Thí sinh được cung cấp một tình huống và 3 giải pháp đề xuất. Thí sinh phải đưa ra ý kiến về giải pháp tốt nhất trong 3 giải pháp được đưa ra và phản biện các giải pháp còn lại. Phần 3: Phát triển chủ đề Thí sinh nói về một chủ đề cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển ý của riêng mình. Phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên.	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: tương tác, thảo luận và trình bày một vấn đề.

**Bảng điểm quy đổi của VSTEP.3-5**

<b>Điểm TB</b>	<b>Bậc năng lực</b>	<b>Mô tả tổng quát</b>
<b>0 – 3,5</b>	<b>Không xét</b>	Không có mô tả
<b>4,0 – 5,5</b>	<b>3</b>	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng ngôn ngữ. Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.
<b>6,0 – 8,0</b>	<b>4</b>	Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên đạt đến mức các giao tiếp thường xuyên này với người bản ngữ không gây khó khăn cho cả hai bên. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề có tính thời sự, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
<b>8,5 - 10</b>	<b>5</b>	Có thể hiểu nhiều loại văn bản khó, dài, và nhận biết được hàm ý. Có thể diễn đạt lưu loát, tức thì, và không thể hiện rõ rệt việc phải tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng sử dụng có kiểm soát các kiểu tổ chức văn bản, sử dụng tốt các liên từ, và các phương tiện liên kết.